

CÔNG TY CỔ PHẦN
HALCOM VIỆT NAM
HALCOM VIETNAM JOINT
STOCK COMPANY

Số/ No. 265/2026/CV/HAL-BQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026
Hanoi, dated October 30, 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
HALCOM
VIỆT NAM

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN HALCOM
VIỆT NAM
Date: 2026.10.30
16:41:21 +07'00'

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: The State Securities Commission;
The Stock Exchange of Ho Chi Minh city.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Name of organization: HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock Symbol: HID

- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Address: Floor No.09, Hoa Binh Tower, No.106 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi city

- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 024 3562 4709

- Email: info@halcom.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure: Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2026 của Công ty CP Halcom Việt Nam – Bản Tiếng Việt/ Separate financial statements for the 3rd quarter of 2026 of Halcom Vietnam Joint Stock Company - Vietnamese version.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2026 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

This information was published on the company's website on 30/10/2026, as in the link <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.



Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
Báo cáo tài chính riêng Quý III năm
2026 – Bản Tiếng Việt/ Separate
financial statements for the 3rd quarter
of 2026 Vietnamese version

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/
Party authorized to disclose information



Nguyễn Thu Trang/
Nguyen Thu Trang

Ngày 2

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 45

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty tự lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Năng Liên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/08/2026
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/08/2026
Ông Đỗ Tiến Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/03/2026
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/01/2026

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2026
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2026
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2026
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2026

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bổ nhiệm từ ngày 11/05/2026
Ông Phùng Ngọc Sơn	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026
	Miễn nhiệm ngày 11/05/2026
Bà Nông Thanh Ngọc	Bổ nhiệm từ ngày 15/11/2025
	Miễn nhiệm từ ngày 05/01/2026

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/09/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giai đoạn từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/09/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến 30/09/2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giai đoạn từ 01/01/2026 đến 30/09/2026.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30/09/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	(Trình bày lại) VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339.708.548.220	153.478.713.921
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	930.074.778	3.017.829.830
Tiền	111		930.074.778	3.017.829.830
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	20.838.389.916	20.196.742.466
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.838.389.916	20.196.742.466
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		313.083.514.082	126.116.924.524
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.679.461.651	9.460.399.020
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	285.582.474.379	77.932.892.956
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.098.461.274	38.874.690.199
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	6	(6.276.883.222)	(151.057.651)
Hàng tồn kho	140	9	969.782.131	650.598.145
Hàng tồn kho	141		969.782.131	650.598.145
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.886.787.313	3.496.618.956
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	696.926.330	567.950.313
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.189.860.983	2.928.668.643
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.088.726.166.236	1.027.363.336.113
Các khoản phải thu dài hạn	210		397.401.000	397.401.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	397.401.000	397.401.000
Tài sản cố định	220		225.453.857.102	1.507.975.871
Tài sản cố định hữu hình	221	12	225.453.857.102	1.507.975.871
- Nguyên giá	222		234.784.412.423	6.320.518.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.330.555.321)	(4.812.543.090)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.591.179.389	216.141.655.785
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	14.591.179.389	216.141.655.785
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	840.708.355.461	800.750.784.101
Đầu tư vào công ty con	251		829.196.637.547	829.196.637.547
Dầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		87.619.992.656	87.619.992.656
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(76.108.274.742)	(116.065.846.102)
Tài sản dài hạn khác	260		7.575.373.284	8.565.519.356
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.575.373.284	8.565.519.356
TỔNG TÀI SẢN	270		1.428.434.714.456	1.180.842.050.034

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 30/09/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	(Trình bày lại) VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		634.845.945.303	398.369.344.370
Nợ ngắn hạn	310		147.517.945.303	164.810.095.031
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	20.433.941.083	21.871.637.861
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.027.879.000	4.450.592.820
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	15	6.168.947.455	3.562.247.182
Phải trả người lao động	314		2.549.351.265	1.648.105.050
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.423.220.580	1.804.922.274
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.559.191.992	42.421.900.732
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	108.461.567.947	87.156.843.131
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.893.845.981	1.893.845.981
Nợ dài hạn	330		487.328.000.000	233.559.249.339
Phải trả dài hạn khác	337	18	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	487.328.000.000	233.559.249.339
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		793.588.769.153	782.472.705.664
Vốn chủ sở hữu	410	19	793.588.769.153	782.472.705.664
Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		767.650.320.000	767.650.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		536.587.297	536.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(58.859.397)	(58.859.397)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.419.926.149	12.303.862.660
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.303.862.660	21.802.532.306
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.116.063.489	(9.498.669.646)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.428.434.714.456	1.180.842.050.034

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Tô Thị Minh

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025
					VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	83.700.566.311	49.141.196.006	237.965.326.998	279.734.118.075
Giảm vốn hàng bán	11	22	80.874.092.327	45.557.096.648	223.349.940.646	163.969.554.735
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.826.473.984	3.584.099.358	14.615.386.352	115.764.563.340
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	661.878.479	757.210.512	2.209.187.892	876.311.046
Chi phí tài chính	22	24	5.479.266.546	12.085.057.742	(22.323.890.173)	95.551.308.435
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.535.333.465	1.530.042.714	15.228.449.146	5.124.123.346
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.482.740.195	6.198.401.243	25.073.806.351	30.213.781.517
Lợi nhuận thuần từ hoạt động	30		(7.473.654.278)	(13.942.149.115)	14.074.658.066	(9.124.215.566)
Thu nhập khác	31	26	-	10.500	5.918.350	115.557
Chi phí khác	32	27	41.466.370	50.163.266	104.425.444	73.184.962
Lợi nhuận khác	40		(41.466.370)	(50.152.766)	(98.507.094)	(73.069.405)
Tổng lợi nhuận kế toán trước	50		(7.515.120.648)	(13.992.301.881)	13.976.150.972	(9.197.284.971)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	(1.957.907.900)	-	2.860.087.483	301.384.675
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.557.212.748)	(13.992.301.881)	11.116.063.489	(9.498.669.646)

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Tô Thị Minh

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		13.976.150.972	(9.197.284.971)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCD và BĐSĐT	02		4.518.012.231	339.860.997
Các khoản dự phòng	03		(33.831.745.789)	88.607.495.249
Lãi hoạt động đầu tư	05		(2.209.187.892)	(876.311.046)
Chi phí lãi vay	06		(15.228.449.146)	5.124.123.346
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(32.775.219.624)	83.997.883.575
(Tăng) / Giảm các khoản phải thu	09		(158.992.581.021)	(22.380.955.887)
Giảm / (Tăng) hàng tồn kho	10		(319.183.986)	2.874.539.592
Tăng / (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.332.115.618)	220.659.377.608
Giảm chi phí trả trước	12		856.132.509	49.081.411
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.768.826.363)	(5.965.121.025)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(301.384.676)	(1.585.578.240)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(61.904.300)
doanh	20		(213.633.178.779)	277.587.322.734
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(28.520.028.631)	(213.670.220.716)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.137.211.011)	(19.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.038.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(386.440.400.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	293.828.120.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		2.209.187.892	876.311.046
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.410.051.750)	(325.106.189.670)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		475.241.745.004	231.061.079.667
Tiền trả nợ gốc vay	34		(237.286.269.527)	(185.163.463.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		237.955.475.477	45.897.616.587
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.087.755.052)	(1.621.250.349)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.017.829.830	4.639.080.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	930.074.778	3.017.829.830

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 05 tháng 11 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 30/09/2026 là 767.650.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chia thành 76.765.032 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: HID.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2026 là 35 người (tại ngày 31/12/2025 là 47 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/09/2026, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ (1)	Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Xây dựng	96,88%	96,88%
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Xã Cát Tiến, Gia Lai	Sản xuất điện	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Xã Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	93,61%	93,61%
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình (2)	Phường Đồng Hới, Quảng Trị	Sản xuất điện	96,15%	96,15%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (3)	Xã Hòa An, Cần Thơ	Sản xuất điện	99,28%	99,28%
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc (4)	Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Halcom (Cambodia) (5)	Thành phố Phnom Pênh	Bán buôn vật liệu, dụng cụ xây dựng	100,00%	100,00%

(1) Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. Vốn điều lệ là 2.500.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

- (2) Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021. Vốn điều lệ là 2.080.000.000 đồng.
- (3) Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom – Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021. Số vốn điều lệ là 278 tỷ đồng.
- (4) Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ sáu tại ngày 21/01/2026 với số vốn điều lệ 250 tỷ đồng.
- (5) Công ty TNHH Halcom (Cambodia) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp. Địa chỉ trụ sở tại thành phố Phnôm Pênh. Tại ngày 30/09/2026, tổng số vốn Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã góp vào công ty này là 790.800.000 đồng.

Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:

Tên công ty con gián tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc (6)	Lai Châu,	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	50,24%	51,00%

(6) Halcom đã góp 13,24% vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc. Đồng thời, Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc (Công ty con) cũng đã nhận chuyển nhượng 37,76% vốn góp của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc. Do đó tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc là 51% và Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc là công ty con gián tiếp của Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp Quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác vàng gốc khu vực Nậm Kha A, thuộc xã Mù Cỏ, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là xã Mù Cỏ, tỉnh Lai Châu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025; do khác biệt về kỳ kế toán nên các số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ hiện tại.

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026, các hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

IV
CM
1143879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, ... của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các dự án xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10. NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Các khoản chi phí khác được trích trước dựa trên Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ khác có liên quan.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.13. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông/thành viên góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn,...

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16. GIỚI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa (tiếp)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong kỳ tài chính được Công ty trình bày tại thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	930.074.778	3.017.829.830
Cộng	930.074.778	3.017.829.830
*Trong đó:		
- Ngân hàng TMCP Quân đội	139.856.634	204.959.524
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	758.614.165	2.444.204.675
- Ngân hàng công thương Việt Nam Việt Nam	4.010.844	343.237.666
- Ngân hàng khác	27.593.135	25.427.965



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn là bên liên quan	20.838.389.916	20.838.389.916	-	20.196.742.466	20.196.742.466
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung - Gốc vay (i)	11.413.500.000	11.413.500.000	-	19.700.000.000	19.700.000.000
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung - Lãi vay (i)	952.866.578	952.866.578	-	496.742.466	496.742.466
- Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc - Gốc vay (ii)	552.000.000	552.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc - Lãi vay (ii)	86.312.327	86.312.327	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	7.833.711.011	7.833.711.011	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản cho vay theo các khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 12% đến 20%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo
- (ii) Khoản cho vay theo khế ước nhận nợ số 16032026, số tiền vay nợ 1.000.000.000 VND, thời hạn vay từ ngày 16 tháng 3 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, với lãi suất 20%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	829.196.637.547 2.421.880.000	- (*)	829.196.637.547 2.421.880.000	- (*)
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	790.800.000	(*)	790.800.000	(*)
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Halcom - Hậu Giang	276.000.000.000	(*)	276.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	150.100.750.000	(*)	150.100.750.000	(*)
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	152.883.207.547	(*)	152.883.207.547	(*)
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	2.000.000.000	(*)	2.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	245.000.000.000	(*)	245.000.000.000	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc (1)	87.619.992.656 87.619.992.656	(*)	87.619.992.656 87.619.992.656	(*)

(*) Tại ngày 30/09/2026, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- b) Đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Tóm tắt tình hình các Công ty con:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	96,88%	96,88%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: xây dựng, Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	Thành phố Phnom Pênh	100,00%	100,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp ngày 01/04/2025. Vốn điều lệ 750.000 USD, tương đương 19.305.000.000 VNĐ. Hoạt động kinh doanh chính: xuất nhập khẩu bán buôn hàng hóa thiết bị...
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Halcom - Hậu Giang	Xã Hòa An, Cần Thơ	99,28%	99,28%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13/04/2026. Vốn điều lệ 278 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Xã Cát Tiến, Gia Lai	51,00%	51,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/11/2023. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. **ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**
b) Đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Xã Thuận Thành, Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2023. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Phường Đồng Hới, Quảng Trị	96,15%	96,15%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021. Vốn điều lệ là 2.080.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	Phường Việt Hưng, Hà Nội	98,00%	98,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/01/2026. Vốn điều lệ 250 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc. Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200026126 ngày 13/7/2009. Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 30/09/2026 là 128.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác quặng kim loại quí hiếm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cấp Quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác vàng gốc khu vực Nậm Kha A, thuộc xã Mù Cà, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là xã Mù Cà, tỉnh Lai Châu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.529.461.651	(1.673.840.435)	9.060.399.020	(151.057.651)
- Ban QLDA đầu tư xây dựng phường Phố Hiến	1.266.967.986	-	1.266.967.986	-
- Công ty CP Alphanam E & C	2.776.289.380	-	-	-
- BQLDA đầu tư XD Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)	1.033.297.560	-	921.513.730	-
- Công ty TNHH Tài Chính Thịnh Vượng	2.705.000.000	(811.500.000)	2.705.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh thương	4.120.262.052	-	-	-
- Công ty TNHH Growth Levers Ventures Việt	1.069.200.000	(106.920.000)	1.069.200.000	-
- Các đối tượng khác	4.558.444.673	(755.420.435)	3.097.717.304	(151.057.651)
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên	150.000.000	-	400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phong Điện miền Trung	150.000.000	-	400.000.000	-
Cộng	17.679.461.651	(1.673.840.435)	9.460.399.020	(151.057.651)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	283.690.284.114	-	76.578.292.956	-
- Công ty cổ phần xây lắp Đại Lâm Mộc	5.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	-	-	100.000.000	-
- Ban Quản lý Dự án và giải phóng mặt bằng Khu	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nước Halcom Nhơn Hội (*)	63.352.000.000	-	75.600.000.000	-
- Công ty TNHH thể thao và giải trí Thiên Mã	4.843.931.308	-	-	-
- Công ty CP điện mặt trời Phương Mai 3	50.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Dịch Vụ Hưng	59.945.485.904	-	-	-
- Công ty Cổ phần xây dựng dầu tư MT	50.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH T.T.N Phương Mai	50.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	548.866.902	-	878.292.956	-
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên li	1.892.190.265	-	1.354.600.000	-
- Halcom (Cambodia) CL., LTD	1.354.600.000	-	1.354.600.000	-
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	537.590.265	-	-	-
Cộng	285.582.474.379	-	77.932.892.956	-

(*) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Nước Halcom Nhơn Hội theo Hợp đồng số 801/2025/HĐEPC/HAL-NNH ngày 01/08/2025 về thiết kế, mua sắm vật tư và thiết bị, thi công xây dựng và lắp đặt Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội Giai đoạn 2 và Hợp đồng số 801A/2025/HĐO&M/HAL-NNH ngày 01/08/2025 về Đào tạo và Bảo hành Nhà máy nước Khu Kinh tế Nhơn hội giai đoạn 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	VND	(Trình bày lại) VND	VND
a) Ngắn hạn	16.098.461.274	4.603.042.787	38.874.690.199	-
- Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
- Tạm ứng	697.132.239	-	305.655.297	-
- Phải thu khác	15.383.329.035	-	38.551.034.902	-
+ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (*)	15.343.475.957	4.603.042.787	38.282.355.957	-
+ Các đối tượng khác	39.853.078	-	268.678.945	-
b) Dài hạn	397.401.000	-	397.401.000	-
- Ký cược, ký quỹ	397.401.000	-	397.401.000	-
Cộng	16.495.862.274	4.603.042.787	39.272.091.199	-

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Biên bản thanh lý ngày 26/3/2025 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc (Trình bày lại)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	911.007.531	-	650.598.145	-
+ TVGS_Phat triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21 Tín dụng No.3590-VIE, HD số HU-CS01	564.046.598	-	-	-
+ Các hợp đồng khác	346.960.933	-	650.598.145	-
CCDC tồn kho	52.360.600	-	-	-
Hàng hóa tồn kho	6.414.000	-	-	-
Cộng	969.782.131	-	650.598.145	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
DA đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế	-	-	204.315.863.947	204.315.863.947
Dự án Phương Mai 3 - Resort	6.601.733.470	6.601.733.470	6.597.490.470	6.597.490.470
Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình I	205.283.643	205.283.643	-	-
Dự án điện rác Hà Nội	3.241.993.945	3.241.993.945	1.471.612.326	1.471.612.326
Các dự án khác	4.542.168.331	4.542.168.331	3.756.689.042	3.756.689.042
Cộng	14.591.179.389	14.591.179.389	216.141.655.785	216.141.655.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	696.926.330	567.950.313
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ	-	15.018.062
- Chi phí mua bảo hiểm	16.076.672	107.264.828
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	602.947.355	406.315.500
- Chi phí trả trước khác ngắn hạn	77.902.303	39.351.923
b) Dài hạn	7.575.373.284	8.565.519.356
- Chi phí đền bù đất Nhon IIội	-	8.037.482.721
- Chi phí mua bảo hiểm	14.236.933	22.840.366
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	50.006.134	100.675.264
- Chi phí xây dựng quy trình, hệ thống Công ty	230.222.232	378.222.228
- Chi phí trả trước khác	7.280.907.985	26.298.777
Cộng	8.272.299.614	9.133.469.669

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TTBTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUỒN GIÁ					
01/01/2026	-	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
- Tăng trong kỳ	-	24.774.487.393	-	-	24.774.487.393
- Đầu tư XDCB hoàn thành	203.689.406.069	-	-	-	203.689.406.069
30/09/2026	203.689.406.069	24.880.171.809	6.182.389.090	32.445.455	234.784.412.423
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2026	-	(105.684.416)	(4.674.413.219)	(32.445.455)	(4.812.543.090)
- Khấu hao trong kỳ	(3.380.560.125)	(797.591.109)	(339.860.997)	-	(4.518.012.231)
30/09/2026	(3.380.560.125)	(903.275.525)	(5.014.274.216)	(32.445.455)	(9.330.555.321)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2026	-	-	1.507.975.871	-	1.507.975.871
30/09/2026	200.308.845.944	23.976.896.284	1.168.114.874	-	225.453.857.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Tổng công ty dầu tư nước và môi trường Việt Nam	18.588.011.136	18.588.011.136	21.256.401.912	21.256.401.912
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	-	-	54.514.096	54.514.096
- Các đối tượng khác	1.845.929.947	1.845.929.947	560.721.853	560.721.853
Cộng	20.433.941.083	20.433.941.083	21.871.637.861	21.871.637.861

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngán hạn				
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố	1.027.879.000	1.027.879.000	4.450.592.820	4.450.592.820
- Công ty Cổ phần - Trung tâm Phân tích và Môi	827.879.000	827.879.000	827.879.000	827.879.000
- Bộ Nông Lâm nghiệp Lào	-	-	3.240.000.000	3.240.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Môi trường đô thị AI	-	-	182.713.820	182.713.820
- Các đối tượng khác	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Cộng	1.027.879.000	1.027.879.000	4.450.592.820	4.450.592.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Phí bảo vệ môi trường
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
VND	VND	VND	VND
3.083.309.097	-	-	3.083.309.097
152.032.492	2.860.087.484	301.384.676	2.710.735.300
311.154.174	730.767.873	770.298.808	271.623.239
-	26.785.440	-	26.785.440
15.751.419	358.821.690	298.078.730	76.494.379
-	103.879.885	103.879.885	-
3.562.247.182	4.080.342.372	1.473.642.099	6.168.947.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****Nội dung**

	Số cuối kỳ	Trong kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)
		Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	108.461.567.947	250.100.994.343	228.796.269.527	87.156.843.131
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Cầu Giấy (1)	44.199.085.855	87.424.839.315	87.730.807.308	44.505.053.848
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ (2)	64.262.482.092	126.956.155.028	96.685.462.219	33.991.789.283
+ Bà Nguyễn Hoàng Ánh (3)	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Bà Nguyễn Như Quỳnh (4)	-	27.100.000.000	27.100.000.000	-
+ Ông Trần Ngọc Sơn (7)	-	130.000.000	130.000.000	-
+ Vay dài hạn đến hạn trả	-	8.490.000.000	16.150.000.000	7.660.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -	-	8.490.000.000	16.150.000.000	7.660.000.000
b) Vay ngắn hạn từ các bên liên quan	-	600.000.000	600.000.000	-
+ Công ty CP Nước Thuận Thành (5)	-	600.000.000	600.000.000	-
Cộng vay ngắn hạn	108.461.567.947	250.700.994.343	229.396.269.527	87.156.843.131
c) Vay dài hạn	387.328.000.000	262.258.750.661	8.490.000.000	133.559.249.339
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (8)	158.570.000.000	33.500.750.661	8.490.000.000	133.559.249.339
+ Bà Nguyễn Hoàng Ánh (3)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Bà Nguyễn Như Quỳnh (4)	127.408.000.000	127.408.000.000	-	-
+ Ông Phùng Ngọc Sơn	350.000.000	350.000.000	-	-
+ Ông Bùi Thanh Nghị	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
d) Các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
+ Công ty CP Nước Thuận Thành (9)	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Cộng vay dài hạn	487.328.000.000	262.258.750.661	8.490.000.000	233.559.249.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/135099/HĐTD ngày 25/03/2026, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 357983.25.004 ngày 11/12/2025, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện, thiết bị ngành nước, vật liệu xây dựng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 19/11/2026. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (3) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Anh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng số 05 gia hạn khoản vay đến 15/12/2025 và lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng số 06 gia hạn khoản vay đến 15/12/2026 và lãi suất giữ nguyên 10%/năm.
- (4) Hợp đồng vay tiền số 12032026 ngày 12/03/2026 với bà Nguyễn Như Quỳnh, tổng số tiền vay 21.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ 12/03/2026 - 12/06/2026, lãi suất 20%/năm.
- Hợp đồng vay tiền số 05032026 ngày 05/03/2026 với bà Nguyễn Như Quỳnh, tổng số tiền vay 5.100.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ 05/03/2026 - 05/06/2026, lãi suất 20%/năm.
- (5) Hợp đồng vay tiền số 15062026 ngày 15/06/2026, số tiền vay 600.000.000 VND, thời hạn vay dự kiến là 31/12/2026, lãi suất 12%/năm.
- (6) Hợp đồng vay tiền ông Phùng Ngọc Sơn số 28082026/HAL-PNS ngày 28/08/2026, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 15%/năm.
- (7) Hợp đồng vay tiền ông Trần Ngọc Sơn số 03092026/HAL-PNS ngày 03/09/2026, thời hạn vay kể từ ngày chuyển tiền đến ngày 10/09/2026, lãi suất 0%/năm.
- (8) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDABT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản Nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:
- Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
 - Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.
- (9) Đây là khoản nhận góp vốn để thực hiện Hợp tác đầu tư phát triển dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội theo Hợp đồng số 0108/2025/BCC ngày 01/08/2025. Thời gian hợp tác là 10 năm. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được chia vào năm thứ 3 với lãi suất 10%, các năm tiếp theo sẽ ký phụ lục Hợp đồng điều chỉnh và do hai bên thỏa thuận tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Chi phí lãi vay	1.459.622.783	1.059.472.625
- Các chi phí khác	1.963.597.797	745.449.649
Cộng	3.423.220.580	1.804.922.274

18. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
- Kinh phí công đoàn	24.665.850	2.208.661
- Các khoản chi phí bảo hiểm	80.516.800	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.454.009.342	42.419.692.071
+ Công ty Cổ phần Nước Halcom-Nhơn Hội	-	9.638.067.780
+ Nguyễn Hồng Giang (*)	-	32.619.992.656
+ Công ty Cổ phần - Trung tâm phân tích và môi trường (**)	3.240.000.000	-
+ Các khoản phải trả khác	214.009.342	161.631.635
Cộng	3.559.191.992	42.421.900.732

(*) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2025/HDCN/NHG-HALCOM ngày 27/11/2025.

(**) Đây là khoản phải trả Công ty cổ phần - Trung tâm phân tích và môi trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/04/2025	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	21.802.532.306	791.971.375.310
- Lỗ trong năm trước (trình bày lại)	-	-	-	-	(9.498.669.646)	(9.498.669.646)
31/12/2025	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	12.303.862.660	782.472.705.664
Số đầu kỳ	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	12.303.862.660	782.472.705.664
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	11.116.063.489	11.116.063.489
Số cuối kỳ	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	23.419.926.149	793.588.769.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
+ Ông Nguyễn Quang Huân	204.648.720.000	204.648.720.000
+ Bà Bùi Thị Xuyên	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Trần Bắc Mỹ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Vũ Thị Bích Liên	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Các cổ đông khác	443.001.600.000	443.001.600.000
Cộng	767.650.320.000	767.650.320.000

19.3 CỔ PHIẾU

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ CP	Số đầu kỳ CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.711	8.711
+ Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	283,17	289,40
Euro (EUR)	226,11	233,78

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
- Doanh thu bán hàng	233.121.256.354	158.680.336.212
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.844.070.644	121.053.781.863
Cộng	237.965.326.998	279.734.118.075

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	218.006.748.265	153.757.436.297
- Giá vốn doanh thu cung cấp dịch vụ	5.343.192.381	10.212.118.438
Cộng	223.349.940.646	163.969.554.735

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.209.187.892	876.311.046
Cộng	2.209.187.892	876.311.046

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNHs

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
- Chi phí lãi vay	15.237.588.872	5.124.123.346
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	(39.957.571.360)	88.792.821.488
- Chi phí tài chính khác	2.396.092.315	1.634.363.601
Cộng	(22.323.890.173)	95.551.308.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	10.523.446.639	6.993.215.723
- Chi phí đồ dùng văn phòng	120.208.069	215.513.528
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.005.659.855	339.860.997
- Chi phí dự phòng	6.125.825.571	(185.326.239)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.902.091.303	6.488.385.138
- Chi phí bằng tiền khác	1.396.574.914	16.362.132.370
Cộng	25.073.806.351	30.213.781.517

26. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
- Các khoản khác	5.918.350	115.557

27. CHI PHÍ KHÁC

Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
- Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm, khác	104.425.444	73.184.962
- Chi phí khác		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.976.150.972	(9.197.284.971)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	324.286.444	300.576.978
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	324.286.444	300.576.978
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	14.300.437.416	(8.896.707.993)
Chuyển lỗ	-	-
Chuyển chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020-NĐ-CP của năm trước sang năm nay	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	14.300.437.416	(8.896.707.993)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.860.087.483	301.384.675
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.860.087.483	301.384.675

29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

29.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Tên tổ chức	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi	Công ty con
Công ty Cổ phần Halcom (Cambodia)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	Công ty con gián tiếp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

29.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	2.061.296.061	-
Bà Vũ Thị Minh Hằng	620.179.882	264.239.149
Ông Nguyễn Tiến Hân	103.405.500	229.790.000
Bà Lê Kim Anh	680.283.334	1.410.819.456
Ông Nguyễn Quang Hưng	1.116.200.000	-
	4.581.364.777	1.904.848.605
Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	416.666.664	416.666.664
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	6.211.497.000
	416.666.664	6.628.163.664
Doanh thu tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	2.120.679.455	496.742.466
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	86.312.327	-
	2.206.991.782	496.742.466
	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND
Chi phí tài chính		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	43.499.777
	-	43.499.777
Đi vay		
- Bà Trần Thị Diệu	-	750.000.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	600.000.000	7.725.000.000
	600.000.000	8.475.000.000
Cho vay		
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	1.000.000.000	-
- Công ty CP Phong điện miền Trung	2.923.500.000	19.700.000.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	8.213.711.011	-
	12.137.211.011	19.700.000.000 ^s

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025
		VND	VND
Hội đồng quản trị		1.988.331.626	1.885.343.316
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch	1.770.062.018	1.733.500.000
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch	128.269.608	121.843.316
Ông Đoàn Năng Liên	Thành viên	90.000.000	30.000.000
Ban Tổng giám đốc		535.945.136	1.958.555.180
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	535.945.136	604.863.637
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	-	672.479.340
Ông Đỗ Tiến Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	681.212.203
Ban kiểm soát		139.999.994	150.039.998
Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban	125.000.000	135.000.000
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	4.999.998	7.519.999
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên	4.999.998	7.519.999
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	2.499.999	-
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	2.499.999	-
Những người quản lý khác		2.412.672.789	2.919.793.161
Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị và		5.076.949.545	6.913.731.655

29.3 SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	150.000.000	400.000.000
	150.000.000	400.000.000
Phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	952.866.578	496.742.466
- Công ty TNHH Dầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	86.312.327	250.000.007
	1.039.178.905	746.742.473
Phải thu về cho vay		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	11.413.500.000	19.700.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	552.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	7.833.711.011	-
	19.799.211.011	19.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	546.729.991	-
- Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	1.354.600.000	1.354.600.000
	1.901.329.991	1.354.600.000
Phải trả khác		
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	46.620.000	46.620.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	100.000.000.000	100.000.000.000
	100.046.620.000	100.046.620.000
Phải người bán		
- Bà Vũ Thị Minh Hằng	326.706.210	-
- Bà Lê Kim Anh	634.755.000	-
	961.461.210	-

30. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC:

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025; do khác biệt về kỳ kế toán nên các số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ hiện tại.

Kể từ ngày 01/01/2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 99/2025/TT-BTC và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

	Số đã báo cáo	Trình bày lại/ Phân loại lại	Số sau trình bày lại/ Phân loại lại	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	19.700.000.000	(19.700.000.000)	-	(i)
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	20.196.742.466	20.196.742.466	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	39.371.432.665	(496.742.466)	38.874.690.199	(i)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	224.179.138.506	(8.037.482.721)	216.141.655.785	(ii)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	528.036.635	8.037.482.721	8.565.519.356	(ii)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	(109.205.292.668)	(6.860.553.434)	(116.065.846.102)	(iii)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	141.219.249.339	92.340.000.000	233.559.249.339	(i) (ii)
Phải trả dài hạn khác	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	(i)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	79.496.843.131	7.660.000.000	87.156.843.131	(ii)
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	(2.638.116.212)	(6.860.553.434)	(9.498.669.646)	(iii)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại theo điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 99/2025/TT-BTC.
- (ii) Phân loại lại chi phí giải phóng mặt bằng và khoản vay dài hạn đến hạn trả.
- (iii) Điều chỉnh hồi tố dự phòng khoản đầu tư vào đơn vị khác dài hạn do một số công ty hồi tố số liệu năm trước.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT








Tô Thị Minh

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Quang Huân